

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG



THIẾT THỰC-HIỆU QUẢ-HÀI HÒA

**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
(Khóa 25)**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Du lịch**

Tên tiếng Anh: **Tourism**

Mã ngành : **7810101**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Hình thức đào tạo: **Tập trung**

*(Ban hành theo Quyết định số 617/QĐ-ĐHTG ngày 05 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

Đồng Tháp, năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	3
1. Thông tin về khoa quản lý chương trình đào tạo.....	3
2. Thông tin về chương trình đào tạo	3
2.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo.....	3
3. Chuẩn đầu vào	4
4. Cấp bằng tốt nghiệp	4
PHẦN II: MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	4
1. Mục tiêu cụ thể	4
2.2. Kỹ năng	6
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm	6
PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	7
1.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa	7
- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình: 151	7
- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : 127.....	7
<i>(Không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh và các học phần điều kiện General English 1, General English 2).</i>	7
1.2. Cấu trúc chương trình	7
4.2. Ma trận phân bố chi tiết CDR của CTĐT vào các học phần	15
6. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo ...	Error! Bookmark not defined.
7. Thông tin cập nhật	15

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC NGÀNH DU LỊCH

Khóa 25

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 617 /QĐ-ĐHTG ngày 05 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Thông tin về khoa quản lý chương trình đào tạo

Khoa Kinh tế - Luật là Khoa Kinh tế - Xã hội được thành lập vào năm 2005 theo Quyết định số 24/QĐ-ĐHTG ngày 31 tháng 10 năm 2005. Đến năm 2015, Khoa Kinh tế - Xã hội đổi tên thành Khoa Kinh tế - Luật theo quyết định số 615/QĐ-ĐHTG ngày 26 tháng 10 năm 2015.

Khoa KTL có 06 bộ môn (BM): BM Kế toán, BM Tài chính, BM Quản trị kinh doanh, BM Kinh tế, BM Luật và BM Du lịch. Các BM có nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu về các hướng chuyên môn thuộc các lĩnh vực do BM phụ trách.

Chức năng, nhiệm vụ của Khoa KTL được quy định tại khoản d mục 1 Điều 11 ban hành tại Quyết định số 75/QĐ-ĐHTG ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường như sau:

- Tổ chức đào tạo và quản lý các chương trình đào tạo bậc đại học các ngành đào tạo thuộc khối ngành Kinh tế, Kế toán, Tài chính, Quản trị kinh doanh, Luật, Du lịch.
- Tổ chức, quản lý giảng dạy các học phần chung thuộc khối kiến thức pháp luật đại cương và các học phần khối kinh tế, luật của các ngành khác.
- Tổ chức đào tạo và hợp tác đào tạo sau đại học các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực do khoa quản lý khi đủ điều kiện.
- Tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế.
- Tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng.
- Tham gia thực hiện công tác đảm bảo chất lượng và xây dựng văn hóa chất lượng trong nhà trường.
- Xây dựng các điều kiện đảm bảo chất lượng giảng dạy khối kiến thức do Khoa đảm trách.

2. Thông tin về chương trình đào tạo

2.1. Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo: Đại học Du lịch
- Tên ngành:

+ Tiếng Việt: **Du lịch**

+ Tiếng Anh: **Tourism**

- Mã ngành: 7810101

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Loại hình đào tạo: Chính quy

- Thời gian đào tạo: 4 năm

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: **Cử nhân Du lịch**

+ Tiếng Anh: **Bachelor of Tourism**

- Tham khảo đối sánh chương trình đào tạo:

+ Chương trình đào tạo đại học ngành Du lịch Trường Du lịch - Đại học Huế,

+ Chương trình đào tạo đại học ngành Du lịch Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Đào tạo cử nhân du lịch có phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp; có năng lực tự chủ, tự học suốt đời, hội nhập; sáng tạo, có thể nhận ra và phát huy tiềm năng của bản thân.

Đào tạo theo định hướng ứng dụng, giúp người học có kiến thức tổng quát về chính trị, pháp luật, xã hội, tự nhiên, giáo dục thể chất, quốc phòng; kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị, văn hóa, lịch sử, tin học và kiến thức chuyên sâu, nghiệp vụ và kỹ năng chuyên ngành về du lịch, kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, thuyết trình, có khả năng làm việc độc lập và giải quyết những vấn đề trong thực tiễn công việc của ngành du lịch, nhà hàng, khách sạn tại khu vực ĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung.

3. Chuẩn đầu vào

- Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non ban hành theo Quyết định số 235/QĐ-ĐHTG ngày 29/4/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành

4. Cấp bằng tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 559/QĐ-ĐHTG ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

PHẦN II: MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Mục tiêu cụ thể

1.1. Kiến thức

PO01: Có kiến thức cơ bản về chính trị pháp luật, giáo dục thể chất, quốc phòng, khoa học tự nhiên, môi trường, tin học để làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực có liên quan đến du lịch, nhà hàng, khách sạn.

PO02: Có kiến thức nền tảng về ngoại ngữ, kinh tế, văn hóa, khoa học xã hội.

PO03: Có kiến thức chuyên sâu về vận hành, quản lý các hoạt động trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn và các nghiệp vụ có liên quan đến chuyên ngành Du lịch.

1.2. Kỹ năng

PO04: Vận dụng kiến thức liên ngành kinh tế, văn hóa xã hội, lịch sử và các kỹ năng cần thiết khác để giải quyết vấn đề trong thực tiễn công việc của ngành du lịch, nhà hàng, khách sạn tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, Nam bộ nói riêng và Việt Nam nói chung.

PO05: Có năng lực số, kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, và làm việc nhóm hoặc làm việc độc lập có hiệu quả.

PO06: Có năng lực nghiên cứu, sáng tạo, giải quyết được các tình huống phát sinh trong công việc có liên quan đến lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn, có thể đề xuất những giải pháp để giải quyết những vấn đề thực tiễn một cách khoa học, mang lại hiệu quả cao.

1.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PO07: Phát huy năng lực tự chủ, tự học, hội nhập, sáng tạo.

PO08: Có phẩm chất chính trị, đạo đức và có trách nhiệm với nghề nghiệp, xã hội, cộng đồng.

1.4. Vị trí nghề nghiệp

- Tổ chức, quản lý, và điều hành hoạt động du lịch, nhà hàng, khách sạn.
- Vận dụng chuyên đổi số trong lĩnh vực du lịch và sử dụng phương tiện truyền thông trong kinh doanh tiếp thị sản phẩm du lịch.
- Thực hiện những nghiệp vụ du lịch của nhân viên tại các doanh nghiệp lữ hành, nhà hàng, khách sạn.
- Khởi nghiệp trong các lĩnh vực có liên quan đến ngành du lịch.
- Đảm nhận các vị trí trong một đơn vị lữ hành trong và ngoài nước: Hướng dẫn viên du lịch, nhân viên kinh doanh du lịch, điều hành chương trình du lịch.
- Đảm nhận các vị trí trong một cơ sở lưu trú trong và ngoài nước: Lễ tân, phục vụ bàn, bar, buồng, giám sát.
- Quản lý trong các đơn vị kinh doanh du lịch, lữ hành, lưu trú, ăn uống, vui chơi, giải trí trong nước và quốc tế.
- Chuyên viên phụ trách hoặc quản lý tại các Sở, Phòng, Ban, Trung tâm hoạt động trong lĩnh vực du lịch.
- Nghiên cứu viên tại các trung tâm nghiên cứu về du lịch; Tư vấn viên và cố

vấn các đề tài, đề án, dự án thuộc về du lịch.

- Học bổ sung các chứng chỉ sư phạm để làm giáo viên, giảng viên tại các Trường, cơ sở đào tạo về du lịch.

1.5. Phát triển nghề nghiệp, học tập nâng cao trình độ.

Tiếp tục học bổ sung một số học phần để đạt được văn bằng 2, hoặc theo học nâng cao các chương trình Thạc sĩ, Tiến sĩ thuộc chuyên ngành du lịch và các ngành học khác ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

K01: Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, năng lực số, khoa học chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất, quốc phòng có liên quan đến lĩnh vực du lịch

K02: Vận dụng kiến thức về kinh tế, văn hóa, khoa học xã hội đáp ứng công việc ngành du lịch

K03: Vận dụng kiến thức về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, buồng, bàn, bar và các kiến thức về kinh doanh du lịch

K04: Phân tích tổng hợp các kiến thức về vùng, miền, điểm du lịch, tài nguyên du lịch, tour, tuyến điểm du lịch.

K05: Vận dụng kiến thức về điều hành, quản lý kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn để tham gia các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực du lịch có hiệu quả.

2.2. Kỹ năng

S01. Kỹ năng phản biện và giải quyết vấn đề, đánh giá chất lượng công việc

S02: Có năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, có kỹ năng số bậc 6/8 theo Khung năng lực số cho người học được quy định bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo.

S03: Kỹ năng giao tiếp

S04: Kỹ năng lập kế hoạch điều phối, quản lý các nguồn lực, thời gian, đánh giá hoạt động của hoạt động kinh doanh du lịch, khởi nghiệp.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

A01. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, hướng dẫn giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chủ động tham gia vào quá trình chuyển đổi số một cách có trách nhiệm.

A02: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn về ngành du lịch và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; Phát huy năng lực tự chủ, tự học.

A03: Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, thái độ làm việc phù hợp, cầu tiến.

3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra											
	Kiến thức					Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm		
	K01	K02	K03	K04	K05	S01	S02	S03	S04	A01	A02	A03
PO01	x	x										
PO02	x	x		x								
PO03			x	x	x							
PO04						x	x	x	x			
PO05	x					x	x	x		x		
PO06						x			x			
PO07										x	x	x
PO08										x	x	x

Ghi chú: dấu (x) thể hiện chuẩn đầu ra đáp ứng mục tiêu.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình: 151
- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : 127

(Không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh và các học phần điều kiện General English 1, General English 2).

1.2. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu			Tỷ lệ (%)
		Bắt buộc	Tự chọn	Toàn bộ	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	35	0	35	27,5
2	Kiến thức cơ sở ngành	19	0	19	15
3	Kiến thức ngành	49	0	49	38,6
4	Kiến thức chuyên sâu/Bổ trợ	8	26	26	6,2
5	Thực tập nghề nghiệp và tham quan thực tế	10	0	10	7,9
6	Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp, Chuyên đề/ Đồ án cuối khóa	6	12	12	4,7
Tổng cộng		127	38	151	100%

2. Khung chương trình

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
2.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương									
2.1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh							11	11	
00033	Triết học Mác-Lênin	45					3	3	
01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	30					2	2	00033+
02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	30					2	2	01202+
03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30					2	2	02112+
03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	30					2	2	03212+
2.1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật							9	9	
71012	Pháp luật đại cương	30					2	2	
05022	Cơ sở Văn hóa Việt Nam A	30					2	2	
06022	Lịch sử văn minh thế giới	30					2	2	
06053	Lịch sử Việt Nam	30	30				3	3	
2.1.3. Ngoại ngữ									
2.1.3.1. Học phần điều kiện (*)							6	6*	
08004	General English 1	60					4	4*	
08012	General English 2	30					2	2*	08004
1.3.2. Học phần tích lũy							12	12	
08024	English 1	60					4	4	08012
08034	English 2	60					4	4	08024 ⁺
08044	English 3	60					4	4	08034 ⁺
2.1.4. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Môi trường							3	3	
30093	Kỹ năng số	15	0	60			3	3	
2.1.5. Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)									
1.5.1. Giáo dục thể chất							9	3*	
12371	Thể dục và điền kinh			30			1	1*	
Chọn tự do 1 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12391	Bóng chuyền 1			30			1	1*	12371+
12401	Cầu lông 1			30			1		12371+
12271	Đá cầu 1			30			1		12371+
12411	Bóng rổ 1			30			1		12371+
Chọn tự do 2 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12441	Bóng chuyền 2			30			1		12391+

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
12481	Cầu lông 2			30			1	1*	12401+
12281	Đá cầu 2			30			1		12271+
12461	Bóng rổ 2			30			1		12411+
1.5.2. Giáo dục quốc phòng và an ninh*							8	8*	
12813	Giáo dục quốc phòng I	45					3	3*	
12922	Giáo dục quốc phòng II	30					2	2*	
12931	Giáo dục quốc phòng III			30			1	1*	
12942	Giáo dục quốc phòng IV			60			2	2*	
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương							35	35	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
2.1. Cơ sở ngành							19	19	
72003	Tổng quan du lịch	40	10				3	3	
73682	Luật du lịch và đạo đức kinh doanh	25	10				2	2	71012+
73523	Tài nguyên và môi trường du lịch	40		10			3	3	
73613	Tâm lý du khách	40	10				3	3	
73622	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch	20	10	10			2	2	
73583	Kinh tế du lịch	40	10				3	3	
73603	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch	35	10	10			3	3	72003+
2.2. Kiến thức ngành							49	49	
72063	Marketing du lịch	40	10				3	3	
73692	Tuyến điểm du lịch	25	10				2	2	
73543	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	35	10	10			3	3	72463+
72463	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	30	10	20			3	3	73692+
72403	Quản trị kinh doanh lễ hội	40	10				3	3	73543+
73313	Văn hóa ẩm thực Việt Nam và Thế giới	30		30			3	3	05022+
72043	Nghiệp vụ lễ tân	30	10	20			3	3	
72052	Nghiệp vụ buồng	15		30			2	2	
73553	Quản trị nhân lực du lịch	40	10				3	3	
72614	Quản trị nhà hàng - khách sạn	35	10	40			4	4	72043+ 72052+
73653	Tổ chức sự kiện và lễ hội	40	10				3	3	

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
73563	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	40	10				3	3	
73572	Thương mại điện tử trong du lịch	20		20			2	2	
73702	Kế toán chuyên ngành du lịch	27	6				2	2	
73732	Du lịch cộng đồng	25	10				2	2	
07604	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 1	50	10	10			4	4	
07624	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 2	50	10	10			4	4	07604+
2.2.3. Kiến thức bổ trợ							26	8	
Chọn tự do 3 (tích lũy tối thiểu 4 TC)							12	4	
72272	Văn hóa du lịch	25	10				2	4	
04372	Phong tục và lễ hội Việt Nam	30					2		
73722	Địa lý Việt Nam	25	10				2		
73752	Phát triển sản phẩm du lịch	25	10				2		
73772	Marketing nhà hàng - khách sạn	25	10				2		
73742	Phương pháp xây dựng thực đơn	25	10				2		
Chọn tự do 4 (tích lũy tối thiểu 4 TC)							14	4	
73782	Quản trị thực phẩm đồ uống	25	10				2	4	
73792	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	25	10				2		
72692	Y tế trong du lịch	20		20			2		
73762	Team building và hoạt náo	15		30			2		
73662	Khởi sự doanh nghiệp trong du lịch	25	10				2		
73712	Bảo tồn di sản Việt Nam	25	10				2		
73642	Quản trị rủi ro trong kinh doanh du lịch	25	10				2		
2.2.4. Thực tập nghề nghiệp và tham quan thực tế, Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận							22	16	
2.2.4.1. Thực tập nghề nghiệp và tham quan thực tế							10	10	
73501	Thực tế 1				45		1	1	
73511	Thực tế 2				45		1	1	73501+

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT ⁺ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
73602	Thực tế 3				90		2	2	73511+
72703	Thực tập nghề nghiệp 1				135		3	3	
72713	Thực tập nghề nghiệp 2				135		3	3	72703+
2.2.4.2. Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận							12	6	
Chọn định hướng (Chọn 1 trong 2 nhóm)									
Nhóm 1 (tích lũy tối thiểu 6 TC)									
72944	Thực tập chuyên đề cuối khóa					180	4	6	72713+
72952	Chuyên đề	25	10				2		
Nhóm 2 (tích lũy tối thiểu 6 TC)									
72966	Khóa luận cuối khóa (Du lịch)					360	6	6	72713+
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							116	92	
Số tín chỉ tổng cộng: 151 TC, số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 127 TC									

Các ký hiệu và viết tắt:

(*) Học phần điều kiện:

- Đối với các học phần điều kiện General English 1, General English 2: người học phải học và đạt để đủ điều kiện tham gia học các học phần của chương trình môn học tiếng Anh không chuyên có trong chương trình đào tạo, điểm của các học phần điều kiện này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

- Đối với các học phần điều kiện thuộc khối kiến thức Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh: người học phải học và đạt để đủ điều kiện xét tốt nghiệp, điểm của các học phần điều kiện này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

(**) Khi cần, mã học phần thêm ký hiệu C ở cao đẳng, D ở đại học trong hệ thống tích hợp thông tin TGUIIS đối với học phần General English 2, phục vụ tổ chức giảng dạy ở 2 trình độ khác nhau.

- MHP (Mã học phần): Theo Quyết định số 472/QĐ-ĐHTG ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Trường Đại học Tiền Giang ban hành về việc Quy định danh mục mã học phần đang giảng dạy ở Trường Đại học Tiền Giang.

- LT (Lý thuyết): Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết); tính theo tiết.

- TL (Thảo luận): Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TH (Thực hành): Người học thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TT (Thực tập): Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường; tính theo giờ.

- ĐA (Đồ án): Thực hiện đồ án, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo, tính theo giờ. Bao gồm cả tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn.

- TS (Tổng số): Số tín chỉ của học phần, của chương trình.

- TLTT (Tích lũy tối thiểu): Số tín chỉ người học phải tích lũy đủ trong nhóm học phần của từng khối kiến thức, của chương trình.

- HPTQ (Học phần tiên quyết), ký hiệu (MHP)

- HPHT (Học phần học trước), ký hiệu (MHP)⁺.

3. Kế hoạch giảng dạy các học phần theo học kỳ của khóa học

Sơ đồ đào tạo của các học phần theo học kỳ

Phụ lục I: Sơ đồ đào tạo

4. Ma trận phân bố chi tiết CDR của CTĐT vào các học phần

4.1. Bảng chi tiết CDR của CTĐT

STT	Ký hiệu CDR	Nội dung CDR	Ghi chú
1	KIẾN THỨC		
1.1	K01: Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, chuyển đổi số, khoa học chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất, quốc phòng có liên quan đến lĩnh vực du lịch		
1.1.1	K01.1	Hiểu kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, pháp luật đại cương, chuyển đổi số, quốc phòng – an ninh, văn hóa và môi trường	
1.1.2	K01.2	Vận dụng được kiến thức về giáo dục thể chất nhằm có được sức khỏe để học tập và làm việc	
1.1.3	K01.3	Vận dụng được kiến thức về chuyển đổi số ứng dụng CNTT cơ bản vào học tập, nghiên cứu, làm việc	
1.1.4	K01.4	Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên	
1.2	K02: Vận dụng kiến thức về kinh tế, văn hóa, khoa học xã hội đáp ứng công việc ngành du lịch		
1.2.1	K02.1	Vận dụng kiến thức về kinh tế có liên quan đến du lịch	
1.2.2	K02.2	Vận dụng kiến thức về văn hóa trong lĩnh vực du lịch	
1.2.3	K02.3	Vận dụng kiến thức về khoa học xã hội trong lĩnh vực du lịch.	
1.3	K03: Vận dụng kiến thức về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, buồng, bàn, bar và các kiến thức về kinh doanh du lịch		
1.3.1	K03.1	Vận dụng kiến thức về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	
1.3.2	K03.2	Vận dụng kiến thức về nghiệp vụ buồng, phòng	
1.3.3	K03.3	Vận dụng kiến thức về các nghiệp vụ bàn, bar	
1.3.4	K03.4	Vận dụng kiến thức về marketing du lịch	
1.3.5	K03.5	Vận dụng kiến thức pháp luật có liên quan đến du lịch	
1.4	K04. Phân tích tổng hợp các kiến thức về vùng, miền, điểm du lịch, tài nguyên du lịch, tour, tuyến điểm du lịch.		
1.4.1	K04.1	Vận dụng kiến thức về các vùng, miền, điểm du lịch vào hoạt động kinh doanh du lịch	
1.4.2	K04.2	Vận dụng kiến thức về tài nguyên du lịch vào hoạt động kinh doanh du lịch	
1.4.3	K04.3	Đánh giá tính khả thi, hiệu quả của tour, tuyến điểm vào hoạt động kinh doanh du lịch	

1.4.4	K04.4	Đánh giá thực tế tại các điểm tham quan du lịch, doanh nghiệp du lịch và dịch vụ có liên quan	
1.5	K05: Vận dụng kiến thức về điều hành, quản lý kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn để tham gia các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực du lịch có hiệu quả.		
1.5.1	K05.1	Vận dụng kiến thức về quản trị kinh doanh du lịch, lễ hành, khu du lịch.	
1.5.2	K05.2	Vận dụng kiến thức về quản lý đơn vị kinh doanh nhà hàng - khách sạn, resort.	
1.5.3	K05.3	Vận dụng kiến thức về quản lý, tổ chức sự kiện	
1.5.4	K05.4	Vận dụng kiến thức về quản lý, kiểm soát quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh du lịch	
2	KỸ NĂNG		
2.1	S01. Kỹ năng phản biện, phê phán và giải quyết vấn đề, đánh giá chất lượng công việc		
2.1.1	S01.1	Phản biện, phê phán	
2.1.2	S01.2	Xác định và khái quát hóa vấn đề	
2.1.3	S01.3	Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn	
2.1.4	S01.4	Đề xuất giải pháp	
2.1.5	S01.5	Xác định mục tiêu, các tiêu chí đánh giá và đánh giá chất lượng công việc của mỗi thành viên trong nhóm	
2.1.6	S01.6	Xác định các tiêu chí đánh giá thành viên và thực hiện đánh giá kết quả làm việc của mỗi thành viên	
2.2	S02. Có năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Có kỹ năng số bậc 6/8 theo khung năng lực số cho người học được quy định bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo.		
2.2.1	S02.1	Sử dụng ngoại ngữ giao tiếp trong sinh hoạt hằng ngày	
2.2.2	S02.2	Vận dụng được ngoại ngữ trong bối cảnh có liên quan đến lĩnh vực lễ hành, nhà hàng, khách sạn. Có kỹ năng số bậc 6/8 theo khung năng lực số cho người học được quy định bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo.	
2.3	S03. Kỹ năng giao tiếp		
2.3.1	S03.1	Xác định chiến lược giao tiếp	
2.3.2	S03.2	Giao tiếp bằng văn bản	
2.3.3	S03.3	Giao tiếp điện tử/đa truyền thông	
2.3.4	S03.4	Thuyết trình	
2.3.5	S03.5	Đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột	
2.4	S04: Kỹ năng lập kế hoạch điều phối, quản lý các nguồn lực, thời gian, đánh giá hoạt động của hoạt động kinh doanh du lịch, khởi nghiệp.		
2.4.1	S04.1	Lập kế hoạch điều phối hợp lý	
2.4.2	S04.2	Quản lý nguồn lực, thời gian, tài chính	

2.4.3	S04.3	Đánh giá các hoạt động kinh doanh du lịch	
2.4.4	S04.4	Dẫn dắt, tạo việc làm cho mình và cho người khác	
3	MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM		
3.1	A01. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, hướng dẫn giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. chủ động tham gia vào quá trình chuyển đổi số một cách có trách nhiệm.		
3.1.1	A01.1	Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi	
3.1.2	A01.2	Thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể trong thực hiện công việc	
3.1.3	A01.3	Hướng dẫn cho người khác thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn.	
3.1.4	A01.4	Giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn	
3.2	A02: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn về ngành du lịch và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân		
3.2.1	A02.1	Xác định động cơ học tập, làm việc	
3.2.2	A02.2	Tự định hướng được mục tiêu học tập, làm việc	
3.2.3	A02.3	Tổng hợp, phân tích được các thông tin, điều kiện ảnh hưởng đến mục tiêu nghề nghiệp đã được xác định	
3.2.4	A02.4	Lập kế hoạch phát triển vấn đề được quan tâm	
3.3	A03: Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, thái độ làm việc phù hợp, cầu tiến.		
3.3.1	A03.1	Tuân thủ các quy định và tôn trọng giá trị văn hóa tại nơi làm việc.	
3.3.2	A03.2	Thực hiện đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, phù hợp với chuẩn mực xã hội.	
3.3.3	A03.3	Thái độ làm việc nghiêm túc, có trách nhiệm, cầu tiến.	

4.2. Ma trận phân bố chi tiết CĐR của CTĐT vào các học phần

Phụ lục II: Ma trận phân bố chi tiết CĐR của CTĐT vào các học phần

5. Đề cương chi tiết học phần

Phụ lục III: Bộ đề cương chi tiết học phần của chương trình

6. Hướng dẫn thực hiện chương trình dạy học

6.1. Thời gian đào tạo của các học phần

- Mỗi học phần được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần (hay toàn phần) của môn học hoặc được kết

cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần có một mã học phần riêng do Trường quy định.

- Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

6.2. Thời gian đào tạo của Chương trình

a) Trường tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ

- Khóa học là khoản thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể.

- Một năm học có 2 học kỳ chính. Trường có thể tổ chức thêm 1 học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện được học lại, học cải thiện điểm, hoặc học tập chương trình môn học Giáo dục Quốc phòng -An ninh (mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học, 2 tuần thi và chấm thi).

- Đầu học kỳ, Nhà trường công bố kế hoạch mở lớp học phần (trực tiếp hoặc trực tuyến) trên cơ sở kế hoạch giảng dạy của khóa ngành học, trong đó công khai đầy đủ các thông tin cần thiết, bảo đảm thuận tiện cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký học tập.

b) Căn cứ vào Khung kế hoạch giảng dạy trong chương trình đã được phê duyệt, Khoa Kinh tế - Luật phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo xác định khối lượng giảng dạy từng học kỳ, năm học; xây dựng thời khóa biểu học kỳ và thông báo tới các đơn vị, giảng viên, sinh viên ít nhất 02 tuần trước học kỳ.

7. Thông tin cập nhật

7.1. Cơ sở phát triển chương trình

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 670/QĐ-ĐHTG ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Trường Đại học Tiền Giang về việc ban hành Quy định chương trình đào tạo của Trường Đại học Tiền Giang;

- Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Khung năng lực số cho người học;

- Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 1504/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình phổ cập kiến thức, kỹ năng số cho sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học;

- Kế hoạch số 924/KH-ĐHTG ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Trường Đại học Tiền Giang về việc Tổ chức rà soát, cập nhật, bổ sung và điều chỉnh chương trình đào tạo, chương trình dạy học áp dụng Khoá 25.

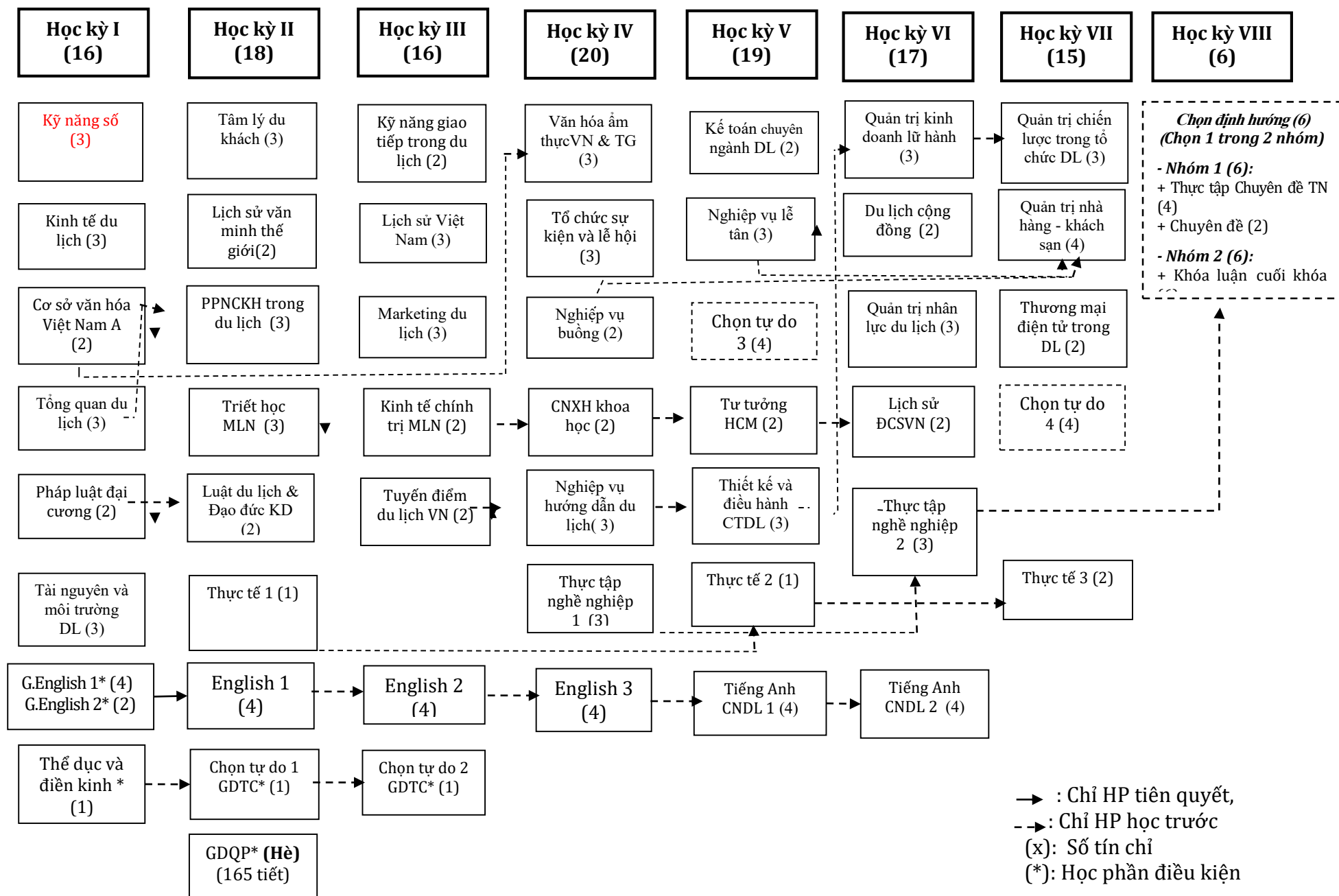
7.2. Thông tin kiểm định

CTĐT đã đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ giáo dục đào tạo ban hành, được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng CTĐT theo Quyết định số 223/QĐ-TTKD ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học quốc gia./.

PHỤ LỤC I:

**SƠ ĐỒ ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA HỌC
CTDH ĐH NGÀNH DU LỊCH**

Phụ lục I: Sơ đồ đào tạo toàn khóa học CTĐT Đại học Du Lịch - Khóa 25



PHỤ LỤC II:

**MA TRẬN ĐỐI SÁNH GIỮA
HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CTDH**

Phần 1: Kiến thức

[illegible]

[illegible]

	73742	Phương pháp xây dựng thực đơn						3	2	3	4	3										
HK	Mã HP	Học phần	CDR về Kiến thức và TDNL được phân bổ cho học phần																			
			K01				K02			K03					K04				K05			
			K01.1	K01.2	K01.3	K01.4	K02.1	K02.2	K02.3	K03.1	K03.2	K03.3	K03.4	K03.5	K04.1	K04.2	K04.3	K04.5	K05.1	K05.2	K05.3	K0.4
VI	72403	Quản trị kinh doanh lữ hành															3		3			3
	73732	Du lịch cộng đồng														3	3	3				
	73553	Quản trị nhân lực du lịch																	2	2	2	2
	72922	Thực tập nghề nghiệp 2					3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3
	07614	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 2							4													
VII	72613	Quản trị nhà hàng - khách sạn					3				3	3								3	3	3
	73572	Thương mại điện tử trong DL			3								3								3	3
	73782	Quản trị thực phẩm đồ uống										3									3	3
	73792	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí									3	3						3	3	3	3	3
	73712	Bảo tồn di sản Việt Nam						3	3						3	3						
	73762	Team building và hoạt náo		3				2													3	
	73662	Khởi sự doanh nghiệp tổ chức du lịch																	3	3	3	3
	72692	Y tế trong du lịch		3																		
	73642	Quản trị rủi ro trong kinh doanh DL					3												3	3	3	3
	73522	Thực tế 3					3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				
VIII	73672	Chuyên đề					4	4	4										4	4	4	4
	72934	Thực tập Chuyên đề cuối khóa					4	4	4	4	4	4	4	4	4				4	4	4	4
	72928	Khóa luận cuối khóa					4	4	4	4	4	4	4	4	4				4	4	4	4

Ghi chú: 1. Ghi nhớ, 2. Hiểu, 3. Áp dụng, 4. Phân tích, 5. Đánh giá - sáng tạo

Phần 2: Kỹ năng

HK	Mã HP	Học phần	CĐR về Kỹ năng và TĐNL được phân bổ cho học phần																
			S01						S02		S03					S04			
			S01.1	S01.2	S01.3	S01.4	S01.5	S01.6	S02.1	S02.2	S03.1	S03.2	S03.3	S03.4	S03.5	S04.1	S04.2	S04.3	S04.4
I	30093	Kỹ năng số			3								3						
	72003	Tổng quan du lịch												1				1	
	73583	Kinh tế du lịch		1	1	1	1	1						1	1				
	73523	Tài nguyên và môi trường DL		1	1		1							1					
	05022	Cơ sở Văn hoá VN A	2	2															
	08004	General English 1*							1										
	08012	General English 2*							1										
	12371	Thể dục và điền kinh*		3															
II	73613	Tâm lí du khách			2									2					
	73682	Luật du lịch & Đạo đức kinh doanh Việt Nam	1	1	1	1	1	1								1	1	1	1
	73603	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong DL	2	2	2	2	2	2					2	2		3	2	3	3
	73501	Thực tế 1			2						2	2	2	2					
	00033	Triết học Mác-Lênin	2	2						2									
	08024	English 1							2	1									
III	73622	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch									3	2	2	3	2				
	72063	Marketing du lịch				1								2					
	73692	Tuyến điểm du lịch												2					
	01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2															
	08034	English 2							2	1									

	12391	Bóng chuyền 1*																
	12401	Cầu lông 1*																
	12271	Đá cầu 1*																
	12411	Bóng rổ 1*																
IV	73313	Văn hóa ẩm thực VN & Thế giới	2	2	2	2	2	2					2	2				
	72052	Nghiệp vụ buồng		2	2													
	73653	Tổ chức sự kiện và lễ hội	2	2	2	2	2	2					2	2	2	2	2	2
	72463	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch		2	2								3	2				
	72703	Thực tập nghề nghiệp 1	2	2	2	2	2	2			2		2	2			2	
	02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	2	2												
	08044	English 3							3	2								
	12441	Bóng chuyền 2*																
	12481	Cầu lông 2*																
	12281	Đá cầu 2*																
	12461	Bóng rổ 2*																
V	73702	Kế toán chuyên ngành du lịch			2													
	72043	Nghiệp vụ lễ tân			2						2	2		2				
	72272	Văn hóa du lịch		2	2	2												
	4372	Phong tục và lễ hội Việt Nam	2	2		2	2											
	73722	Địa lí Việt Nam		2	2	2	2	2					2	2				
	73752	Phát triển sản phẩm du lịch		2	2	2							2			2	2	
	73772	Marketing nhà hàng - khách sạn		2	2	2							2		2	2		
	73543	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch													2		2	
	73511	Thực tế 2	3	3	3	3	3	3					3	3	3	3		
	07604	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 1							4	3	4	4	3	3				
	73742	Phương pháp xây dựng thực đơn			2								2					

VI	72403	Quản trị kinh doanh lữ hành												3				3	
	73732	Du lịch cộng đồng		2	2	2	2	2						2	2		3	3	3
	73553	Quản trị nhân lực du lịch				2	3	3						2	2	2	2		2
	72922	Thực tập nghề nghiệp 2	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3				3	
	7614	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 2							4	4									
VII	72613	Quản trị nhà hàng - khách sạn	3	3	3	3										3	3	3	3
	73572	Thương mại điện tử trong DL										3	3		3				
	73782	Quản trị thực phẩm đồ uống		3	3	3										3	3		
	73792	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí		3	3	3	3	3						3	3	3	3	3	
	73712	Bảo tồn di sản Việt Nam		3	3									3					
	73762	Team building và hoạt náo												3					
	73662	Khởi sự doanh nghiệp tổ chức du lịch														3	3	3	3
	72692	Y tế trong du lịch		3	3	3													
	73642	Quản trị rủi ro trong kinh doanh du lịch		3	3	3										3	3	3	3
	73522	Thực tế 3		3	3	3								4	3	3		3	
VIII	73563	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	4	4	4	4	4	4						4	4	4	4	4	4
	73672	Chuyên đề									4	4	4	4	4				
	72934	Thực tập Chuyên đề cuối khóa	4	4	4					4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
	72928	Khóa luận cuối khóa	4	4	4	4	4			4	4	4	4	4	4	4	4	4	4

Ghi chú: 1. Bắt buộc, 2. Làm được, 3. Làm chính xác, 4. Phối hợp, 5. Thuần thực

	72703	Thực tập nghề nghiệp 1	2	2	2	2					2		2
	02112	Chủ nghĩa xã hội KH	2										
	08044	English 3											
	12441	Bóng chuyền 2*		3									
	12481	Cầu lông 2*		3									
	12281	Đá cầu 2*		3									
	12461	Bóng rổ 2*		3									
V	73702	Kế toán chuyên ngành du lịch										2	2
	72043	Nghiệp vụ lễ tân					2	2	2		2	2	2
	72272	Văn hóa du lịch									3	2	2
	4372	Phong tục và lễ hội Việt Nam									3	2	
	73722	Địa lí Việt Nam	2	2	2	2					2	2	2
	73752	Phát triển sản phẩm du lịch	2										2
	73772	Marketing nhà hàng - khách sạn	2										2
	73543	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	2	2	2								
	73511	Thực tế 2	3					3					
	07604	Tiếng Anh chuyên ngành DL 1	4	4									3
	73742	Phương pháp xây dựng thực đơn		2									2
VI	72403	Quản trị kinh doanh lữ hành		2									2
	73732	Du lịch cộng đồng	2	2	2	2						3	3
	73553	Quản trị nhân lực du lịch	2	2	2	2	2	2	2				
	72922	Thực tập nghề nghiệp 2	3	3				3	3		3	3	3
	7614	Tiếng Anh chuyên ngành DL 2	3					3					
VII	72613	Quản trị nhà hàng - khách sạn	3	3	3					3	3		3
	73572	Thương mại điện tử trong DL	3		3								
	73782	Quản trị thực phẩm đồ uống	3	3		3		3					3
	73792	Quản trị resort&khu vui chơi giải trí	3	3	3						3		3
	73712	Bảo tồn di sản Việt Nam	3								3	3	
	73762	Team building và hoạt náo	3		3								

	73662	Khởi sự doanh nghiệp tổ chức du lịch	3	3						3	3		3
	72692	Y tế trong du lịch	3	3								3	3
	73642	Quản trị rủi ro trong kinh doanh DL	3	3					3	3		3	3
	73522	Thực tế 3	4	3	3								
	73563	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	4	4	4	4			4	4		4	4
VIII	73672	Chuyên đề	4	4	4	4						4	4
	72934	Thực tập Chuyên đề cuối khóa	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
	72928	Khóa luận cuối khóa	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4

Ghi chú: 1. Tiếp nhận, 2 – Đáp ứng, 3.Đánh giá thừa nhận 4.Tổ chức thực hiện, 5. Đặc trưng hóa